

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Long**.

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 645/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 09 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2019/QĐST – HN ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1960. (Có mặt)

HKTT: Ấp L, xã Đ, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở: Ấp M, xã A, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 30/08/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:**

Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị K tự nguyện sống chung vào năm 1980, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 23/01/1991. Ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2003 có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống trong cách dạy con do bà K muốn các con nghỉ học sớm để lao động kiếm sống, không đồng ý cung cấp tiền cho các con ăn học; còn ông T mong muốn các con học hành đến nơi đến chốn nên tự ông chăm sóc cho các con ăn học nên vợ chồng thường xuyên

có mâu thuẫn xảy ra. Ông bà đã tự ly thân từ giữa năm 2003 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Có 05 con chung đã trưởng thành gồm: Nguyễn T, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987 và Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1987.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn Nguyễn Thị K dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị K trình bày bà không đồng ý ly hôn với ông T do bà vẫn còn thương chồng nên hai vợ chồng phải có trách nhiệm chung sống với nhau. Bà K cho rằng ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà chỉ nghe nói chứ không có chứng cứ. Bà Nguyễn Thị K thừa nhận ông bà đã ly thân không còn sống chung từ năm 2003 cho đến nay nhưng bà K chưa đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T là tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn bà Nguyễn Thị K cư trú tại ấp T, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị K tự nguyện sống chung từ năm 1980 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc địa bàn thành phố M, tỉnh Tiền Giang) ngày 23/01/1991 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị K là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống

về tình cảm vợ chồng và về cách nuôi dạy con vì ông T cho rằng bà K muốn các con nghỉ học sớm để lao động kiếm sống, không đồng ý cung cấp tiền cho các con ăn học; còn ông T mong muốn các con học hành đến nơi đến chốn nên tự ông chăm sóc cho các cháu ăn học nên vợ chồng ông bà thường xuyên có mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị K không đồng ý ly hôn xin hàn gắn đoàn tụ nhưng bà không có đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị K không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài do ông bà đã tự ly thân từ giữa năm 2003 cho đến nay. Do vậy, ông Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị K là có cơ sở.

Yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh T là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 05 con chung đã trưởng thành gồm: Nguyễn T, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987 và Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1987.

[5] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T trình bày ông T và bà Nguyễn Thị K không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Có 05 con chung đã trưởng thành gồm: Nguyễn T, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987 và Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1987.

3. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T trình bày ông T và bà Nguyễn Thị K không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tiền số 0000363 ngày 03/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M, Tiền Giang.

- Chi cục THADS. TP M, Tiền Giang.

- UBND xã T, TP M. Tiền Giang..

- Các đương sự.

- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo